

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

(dự thảo)

NGHỊ ĐỊNH**Về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện
phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định:

1. Bỏ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là doanh nghiệp có phần vốn nhà nước).

4. Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là người quản lý doanh nghiệp nhà nước), bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- b) Chủ tịch công ty (đối với công ty không có Hội đồng thành viên);
- c) Thành viên Hội đồng thành viên;
- d) Tổng giám đốc;
- đ) Giám đốc;
- e) Phó tổng giám đốc;
- g) Phó giám đốc;
- h) Kế toán trưởng.

5. Kiểm soát viên tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là Kiểm soát viên).

6. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm không quá 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cấp có thẩm quyền là cấp có quyền quyết định:
 - a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên;
 - b) Cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước.
2. Cơ quan tham mưu là cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ của cấp có thẩm quyền.
3. Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp bao gồm Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở).
4. *Người đại diện phần vốn nhà nước* là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
5. Kiểm soát viên là người thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu, được cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.
2. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ.
4. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước không được là cán bộ, công chức, viên chức.
5. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiêm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ khác nhau phải bảo đảm không được xung đột lợi ích.
6. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì việc xem xét, quyết định do cấp có thẩm quyền quản lý chức vụ cao nhất thực hiện.

Chương II

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ KIỂM NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền thành lập của Thủ tướng Chính phủ.
2. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với Chủ tịch công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.
3. Quyết định **bổ nhiệm** Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.
4. Có ý kiến trước khi bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc doanh nghiệp thuộc thẩm quyền thành lập của Thủ tướng Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập của Thủ tướng Chính phủ:
 - a) Quyết định quy hoạch Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty;

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;

c) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

d) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thẩm quyền thành lập của cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên;

b) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc, Giám đốc;

c) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc.

3. Đối với doanh nghiệp có phần vốn nhà nước:

Quyết định cử, cử lại, cho thôi đại diện phần vốn nhà nước, **thôi việc**, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 7. Kiểm nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước

1. Việc kiểm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của người quản lý doanh nghiệp nhà nước được quy định như sau:

a) Thành viên Hội đồng thành viên không được kiểm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Kế toán trưởng không được kiểm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp mình và các doanh nghiệp khác; Chủ tịch công ty có thể kiểm nhiệm Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp mình nhưng không được kiểm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác;

c) Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiểm Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp mình hoặc doanh nghiệp khác không phải là doanh nghiệp thành viên theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

d) Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc được kiểm nhiệm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành

viên, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty ở doanh nghiệp thành viên, nhưng không quá 03;

2. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của Kiểm soát viên được quy định như sau:

a) Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

b) Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Việc kiêm nhiệm các chức danh, chức vụ khác của người đại diện phần vốn nhà nước được quy định như sau:

a) Người đại diện phần vốn nhà nước chuyên trách **chỉ được làm việc trực tiếp tại 01** doanh nghiệp;

b) Người đại diện phần vốn nhà nước không chuyên trách tham gia làm người đại diện phần vốn nhà nước tại không quá 03 doanh nghiệp; số lượng người đại diện không chuyên trách tại một doanh nghiệp không quá 30% số lượng thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị;

c) Người đại diện phần vốn nhà nước không được kiêm nhiệm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác cơ quan đại diện chủ sở hữu;

Chương III

QUY HOẠCH, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI VÀ ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN

Mục 1. QUY HOẠCH

Điều 8. Quy hoạch đối với đối với người quản lý doanh nghiệp

Việc quy hoạch người quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo hướng dẫn hằng năm của cấp có thẩm quyền.

Mục 2. BỔ NHIỆM

Điều 9. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn giữ chức vụ cho mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Trường hợp thời hạn giữ chức vụ dưới 05 năm thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương chức vụ cũ trở lên thì thời hạn

giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn giữ chức vụ được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm theo chức vụ cũ theo tên gọi cũ của doanh nghiệp.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

1. Bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể của chức vụ, chức danh bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với nhân sự từ nguồn tại chỗ phải được quy hoạch vào chức vụ, chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự nguồn từ nơi khác phải được quy hoạch vào chức vụ, chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập chưa thực hiện việc phê duyệt quy hoạch thì do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất;

4. Tuổi bổ nhiệm:

a) Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cao hơn thì phải đủ tuổi để công tác trọn thời hạn bổ nhiệm. Thời điểm tính tuổi bổ nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền;

Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Nhân sự được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại điểm a khoản này.

5. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

7. Không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì cấp có thẩm quyền trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm trước khi quyết định.

8. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương tối thiểu là 01 năm (12 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức vụ tương đương); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời

gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

9. Có thể xem xét, bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp giữ chức vụ cao hơn nếu bảo đảm các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này đối với các trường hợp sau:

a) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật;

b) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo nhưng cấp có thẩm quyền không ban hành quyết định thi hành kỷ luật do hết thời hiệu;

Điều 11. Đề xuất chủ trương bổ nhiệm

1. Đối với bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước:

a) Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp họp thảo luận, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự được bổ nhiệm;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phải tiến hành quy trình lựa chọn nhân sự theo quy định.

2. Đối với bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Cơ quan tham mưu đề xuất bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu về chủ trương, dự kiến nhân sự bổ nhiệm;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm, cơ quan tham mưu phải tiến hành quy trình điều động, bổ nhiệm Kiểm soát viên theo quy trình bổ nhiệm đối với nhân sự nguồn từ nơi khác.

Điều 12. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ

1. Đề xuất cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình:

Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo doanh nghiệp họp thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.

2. Trình tự bổ nhiệm được thực hiện như sau:

Quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ gồm 4 bước; các hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt. Cụ thể như sau:

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo doanh nghiệp

Trên cơ sở chủ trương bổ nhiệm, yêu cầu nhiệm vụ của doanh nghiệp và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo thảo luận, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự; đồng thời, tiến hành

rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng nhân sự trong quy hoạch (gồm cả nhân sự được quy hoạch chức danh tương đương trở lên); thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự bổ nhiệm phù hợp với yêu cầu của cơ quan, tổ chức.

Thành phần triệu tập: Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở).

Người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (nếu có) tham dự hội nghị nhưng không thuộc thành phần bỏ phiếu, trừ trường hợp được xác định là thành viên của tập thể lãnh đạo doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, căn cứ vào cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm phù hợp với yêu cầu của cơ quan, tổ chức để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Thành phần triệu tập: Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cấp ủy cùng cấp; Trưởng phòng (ban) và tương đương ở doanh nghiệp công ty mẹ; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty các doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phụ trách chung (nếu có) hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tính trên tổng số người được triệu tập giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, chỉ đạo.

Phiếu giới thiệu nhân sự bổ nhiệm do Ban tổ chức hội nghị phát hành, có đóng dấu treo của đơn vị. Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản, không công bố tại hội nghị này.

c) Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Thành phần: Thực hiện như quy định tại bước 1.

Trình tự hội nghị: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho 01 chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tính tổng số người được triệu tập có mặt, thì được lựa chọn. Trường

hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Phiếu giới thiệu nhân sự bổ nhiệm do Ban tổ chức hội nghị phát hành, có đóng dấu treo của đơn vị. Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản, không công bố tại hội nghị này.

d) Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo

Trước khi tiến hành hội nghị, cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cấp ủy có thẩm quyền đánh giá, nhận xét bằng văn bản về nhân sự; tiến hành xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có).

Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự.

Thành phần: Thực hiện như quy định ở bước 1.

Trình tự thực hiện: Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của cấp ủy có thẩm quyền; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% tính trên tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn đề nghị bổ nhiệm. Trường hợp có 02 người có số phiếu ngang nhau đạt tỷ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để đề nghị bổ nhiệm; đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Phiếu biểu quyết nhân sự bổ nhiệm do Ban tổ chức hội nghị phát hành, có đóng dấu treo của đơn vị. Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản.

Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ra quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

Bước 1: Trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo của cơ quan, tổ chức tiếp nhận nhân sự về dự kiến bổ nhiệm.

Bước 2: Trao đổi, lấy ý kiến (**bằng văn bản**) của tập thể lãnh đạo nơi nhân sự đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Gặp nhân sự để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp nhân sự bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng cơ quan, đơn vị nơi nhân sự công tác hoặc nơi tiếp nhận nhân sự hoặc nhân sự còn có ý kiến chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 14. Trình tự, thủ tục thực hiện bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ thực hiện theo các bước sau đây:
 - a) Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp thảo luận, đề xuất về nhu cầu bổ nhiệm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu;
 - b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về chủ trương, số lượng, **nguồn nhân sự** và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định;
 - c) Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về chủ trương bổ nhiệm;
 - d) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải chủ trì, phối hợp với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty tiến hành quy trình lựa chọn nhân sự theo quy định; trường hợp phát sinh những vấn đề khó khăn, phức tạp phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ;
 - đ) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi tờ trình và hồ sơ bổ nhiệm đến Bộ Nội vụ để thẩm định;
 - e) Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ nhiệm, sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể **Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ**.
2. Đối với nguồn nhân sự từ nơi khác:
 - a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều động, bổ nhiệm, đồng thời gửi Bộ Nội vụ để thẩm định;
 - b) Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về chủ trương điều động, bổ nhiệm;
 - c) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương điều động, bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm nhân sự theo quy định; trường hợp phát sinh những vấn đề khó khăn, phức tạp phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ;
 - d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi tờ trình và hồ sơ bổ nhiệm đến Bộ Nội vụ để thẩm định;
 - đ) Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bổ nhiệm, sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể **Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ**.

3. Đối với trường hợp bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Tổng giám đốc doanh nghiệp thuộc thẩm quyền thành lập của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này:

- a) Chủ tịch Hội đồng thành viên chủ trì thực hiện quy trình lựa chọn nhân sự theo quy định, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi tờ trình và hồ sơ bổ nhiệm đến Bộ Nội vụ để thẩm định;
- c) Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm.

Điều 15. Bổ nhiệm trong trường hợp khác

1. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp:

- a) Đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, trường hợp chức danh, chức vụ đang giữ ở doanh nghiệp cũ tương đương hoặc **thấp hơn** chức danh, chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở doanh nghiệp mới thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hoặc trình có thẩm quyền quyết định chuyển đổi chức danh, chức vụ theo chức danh, chức vụ ở doanh nghiệp mới.

Trường hợp chức danh, chức vụ người quản lý doanh nghiệp nhà nước đang giữ ở doanh nghiệp cũ thấp hơn chức danh, chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở doanh nghiệp mới thì việc bổ nhiệm được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác;

- b) Đối với Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định bổ nhiệm lại kiểm soát viên tại doanh nghiệp mới theo quy định.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với các trường hợp sau:

- a) Bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp mới được thành lập;
- b) Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó nội bộ lãnh đạo doanh nghiệp mất đoàn kết, nhiều người vi phạm kỷ luật, nếu thực hiện quy trình bổ nhiệm sẽ thiếu khách quan;
- c) Trường hợp vì thiên tai, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác mà doanh nghiệp không còn người lãnh đạo, quản lý.

3. Trường hợp doanh nghiệp chưa kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc giao quyền Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc hoặc giao phụ trách Hội đồng thành viên đối với người đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho đến khi có quyết định bổ nhiệm các chức danh trên; thời gian giao quyền, giao phụ trách không quá 12 tháng và không tính vào thời gian giữ chức vụ nếu được bổ nhiệm.

Điều 16. Hồ sơ bổ nhiệm

1. Tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm.
3. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4 x 6 cm và đóng dấu, ảnh chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
4. Bản tự kiểm điểm 03 năm công tác gần nhất.
5. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của cấp có thẩm quyền về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ; về năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, trong đó, thể hiện rõ sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có); về uy tín và triển vọng phát triển.
6. Nhận xét, đánh giá của **đảng ủy cơ sở** nơi công tác.
7. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị theo quy định.
8. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.
9. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.
10. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức vụ, chức danh bổ nhiệm. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định.
11. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.
12. Các kết luận kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các tài liệu có liên quan (nếu có).

Mục 3. BỔ NHIỆM LẠI

Điều 17. Thời điểm và thời hạn thực hiện bổ nhiệm lại

1. Khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, quyết định bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên. Trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải có văn bản thông báo để doanh nghiệp, cá nhân được biết.

Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên sau khi được bổ nhiệm vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức mà không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

2. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm, tính đến thời điểm nghỉ hưu còn từ đủ 24 tháng công tác trở lên đối với thời hạn giữ chức vụ 05 năm hoặc còn từ đủ 18 tháng công tác trở lên đối với thời hạn giữ chức vụ 03 năm thì vẫn phải thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại; nếu được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

3. Các trường hợp chưa thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại:

a) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử **hoặc đang có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền;**

b) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản.

4. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ phải được ban hành trước ngày hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc.

Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

5. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên khi hết thời hạn bổ nhiệm mà đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật nhưng không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo quy định của Đảng và pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, thảo luận, đánh giá, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín, nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có) để xem xét, quyết định về việc bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý.

Điều 18. Điều kiện bổ nhiệm lại

1. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và vẫn đủ tiêu chuẩn chức danh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

2. Doanh nghiệp có nhu cầu.

3. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận.

4. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

5. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì cấp có thẩm quyền trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại trước khi quyết định.

6. Một cá nhân được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty không quá 02 nhiệm kỳ tại một doanh nghiệp, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại doanh nghiệp đó trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

Một cá nhân được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại một doanh nghiệp.

7. Người quản lý doanh nghiệp khi hết thời hạn bổ nhiệm mà đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật ~~khuyến trách, cảnh cáo~~ thì cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất, năng lực, uy tín, nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có) để xem xét, quyết định về chủ trương bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý.

8. Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên không được bổ nhiệm lại thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác; không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 19. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại

1. Chậm nhất 90 ngày **làm việc** trước ngày hết thời hạn giữ chức vụ theo quy định, cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đến người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên biết và thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước:

a) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước làm bản tự nhận xét, đánh giá kết quả, ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế của mình về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ gửi cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, đồng thời gửi cơ quan tham mưu;

b) Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến về việc bổ nhiệm lại: Thực hiện như quy định tại **Điều 12 Nghị định này**;

c) Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp thảo luận và quyết định nhân sự:

Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp thảo luận kết quả lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt; phân tích kết quả lấy phiếu ở hội nghị cán bộ chủ chốt. Người được đề nghị bổ nhiệm lại phải đạt tỷ lệ trên 50% tính trên tổng số người được triệu tập tham gia hội nghị cán bộ chủ chốt; **trường hợp đạt tỷ lệ 50% thì Hội đồng thành viên xem xét, quyết định**; trường hợp đạt tỷ lệ từ 50% trở xuống thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục thực hiện quy trình;

d) Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại điểm c khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ra quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại đối với Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 20. Kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 24 tháng công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 05 năm hoặc còn dưới 18 tháng công tác đối với thời hạn giữ chức vụ 03 năm thì không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại và cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

2. Chậm nhất 90 ngày **làm việc** trước ngày hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định, cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đến người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên biết và thực hiện việc xem xét, kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

3. Việc xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước được thực hiện như sau:

a) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước làm bản tự nhận xét, đánh giá kết quả, ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế của mình về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ gửi cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, đồng thời gửi cơ quan tham mưu;

b) Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp thảo luận, xem xét, nếu người quản lý doanh nghiệp nhà nước còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết bằng phiếu kín.

Nhân sự được đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo doanh nghiệp đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định; đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cấp trên của cấp ủy doanh nghiệp đối với trường hợp nhân sự thuộc diện phải lấy ý kiến của cấp ủy cấp trên theo quy định;

d) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ra quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Việc xem xét kéo dài thời gian chức vụ đối với Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 21. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ

1. Tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm lại hoặc xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ.

3. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

4. Bản tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ.

5. Nhận xét, đánh giá của cấp ủy cùng cấp.

6. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

7. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

9. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

Mục 4. ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN

Điều 22. Phạm vi điều động, luân chuyển

Căn cứ vào yêu cầu **công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả** nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, luân chuyển giữa các doanh nghiệp cùng cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 23. Tiêu chuẩn, điều kiện luân chuyển

1. Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt.

2. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực công tác và triển vọng phát triển.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của chức vụ đảm nhiệm khi luân chuyển.

4. Còn thời gian công tác ít nhất 10 năm công tác tính từ thời điểm luân chuyển; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 24. Quy trình thực hiện kế hoạch điều động, luân chuyển

1. Hàng năm, cơ quan tham mưu xây dựng kế hoạch điều động, luân chuyển đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên để báo cáo Chủ tịch

Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu họp thảo luận, trao đổi thống nhất kế hoạch và nhân sự cụ thể dự kiến điều động, luân chuyển.

3. Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của tập thể lãnh đạo doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển đang công tác và tập thể lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nơi nhân sự được dự kiến điều động, luân chuyển đến.

4. Trao đổi trực tiếp với nhân sự về việc thực hiện chủ trương điều động, luân chuyển.

5. Tập thể lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 25. Thời gian luân chuyển

Thời gian luân chuyển ít nhất là 36 tháng đối với một lần luân chuyển, trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 26. Bố trí công tác sau luân chuyển

1. Khi hết thời gian luân chuyển, cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển thực hiện việc nhận xét, đánh giá về quá trình công tác trong thời gian luân chuyển và bố trí, phân công công tác đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên.

2. Việc xem xét bố trí, phân công công tác đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên sau luân chuyển phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gắn với trách nhiệm cá nhân của nhân sự được luân chuyển và kết quả nhận xét, đánh giá của cấp có thẩm quyền.

Điều 27. Chế độ, chính sách đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, luân chuyển

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, luân chuyển đến công tác phải chuẩn bị và tạo điều kiện cần thiết để người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được ổn định sinh hoạt và công tác.

2. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước được điều động, luân chuyển đảm nhiệm chức danh, chức vụ nào thì hưởng chế độ, chính sách tương ứng với chức danh, chức vụ đó theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên được điều động, luân chuyển thì đương nhiên thôi giữ chức vụ quản lý đang đảm nhiệm kể từ ngày quyết định điều động, luân chuyển có hiệu lực thi hành.

Chương IV

CỬ, CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1. CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 28. Thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước

1. Thời hạn cử người đại diện phần vốn nhà nước được xác định không quá nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước được cơ quan đại diện chủ sở hữu đề cử đề bầu, bổ nhiệm chức danh quản lý giữa nhiệm kỳ của chức danh đó thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước là thời gian còn lại của nhiệm kỳ đó theo quy định của điều lệ doanh nghiệp.

2. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước được cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày quyết định cử đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mới có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp thay đổi chức danh quản lý do thay đổi tên gọi doanh nghiệp thì thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước được tính từ ngày được cử đại diện phần vốn nhà nước theo chức danh cũ theo tên gọi cũ của doanh nghiệp.

Điều 29. Điều kiện cử làm người đại diện phần vốn nhà nước

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, Nhà nước và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân được xác minh, có bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3. Phải đủ tuổi (tính theo tháng) để công tác hết nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị doanh nghiệp được cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

4. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

6. Không trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì cấp có thẩm quyền trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự trước khi cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 30. Trình tự, thủ tục cử người đại diện phần vốn nhà nước

1. Căn cứ vào giá trị vốn của nhà nước, quy mô của doanh nghiệp và đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn người đại diện phần vốn nhà nước, cơ quan tham mưu đề xuất với cơ quan đại diện chủ sở hữu về chủ trương, số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự và dự kiến nhân sự cụ thể để cử làm người đại diện phần vốn nhà nước, gồm các thông tin: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; ngày vào

Đảng (nếu là đảng viên); trình độ chuyên môn nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị (nếu có); chức danh quản lý; cơ quan, đơn vị đang công tác.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thông nhất về chủ trương thực hiện và tiến hành một số công việc sau:

a) Gặp nhân sự được dự kiến đề cử làm người đại diện phần vốn nhà nước để nhân sự cam kết tuân thủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu và việc thực hiện các vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước nếu được cử;

b) Trao đổi và lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo nơi nhân sự đang công tác về chủ trương cử người đại diện phần vốn nhà nước; xác minh lý lịch của nhân sự.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự dự kiến đề cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, kết luận những vấn đề phát sinh (nếu có), thảo luận, quyết định cử người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 31. Hồ sơ cử người đại diện phần vốn nhà nước

1. Tờ trình về việc đề nghị cử người đại diện phần vốn nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

3. Bản tự kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất.

4. Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo và cấp ủy cơ quan, tổ chức đang quản lý người được đề nghị cử làm người đại diện phần vốn nhà nước.

5. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

8. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức vụ, chức danh bổ nhiệm. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

9. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

10. Bản cam kết tuân thủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ đạo của chủ sở hữu và việc thực hiện các vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước với chủ sở hữu đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu thông qua.

Mục 2. CỬ LẠI NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 32. Điều kiện cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước được cử lại làm người đại diện nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn làm nhiệm vụ người đại diện phần vốn nhà nước;

b) Đáp ứng đủ điều kiện cử làm người đại diện phần vốn nhà nước quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và khoản 6 **Điều 29 Nghị định này**.

2. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước không đủ tuổi công tác hết nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị doanh nghiệp thì thời gian cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước được tính đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Điều 33. Trình tự, thủ tục cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời gian cử làm người đại diện theo quy định, người đại diện phần vốn nhà nước làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn làm đại diện phần vốn nhà nước gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự dự kiến cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, kết luận những vấn đề phát sinh (nếu có), thảo luận, quyết định cử lại người đại diện phần vốn nhà nước.

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước không được cử lại, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp bố trí công tác khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Hồ sơ cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

1. Tờ trình về việc đề nghị cử lại làm người đại diện phần vốn nhà nước do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ký.

2. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

3. Bản tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn làm người đại diện phần vốn nhà nước.

4. Nhận xét, đánh giá của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

6. Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

8. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

Chương V

TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM VÀ CHO THÔI LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 35. Từ chức

1. Việc xem xét cho từ chức đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;
- b) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;
- c) Vì các lý do chính đáng khác của cá nhân;
- d) Người quản lý doanh nghiệp để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định đối với cơ quan, đơn vị và cấp dưới thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp;
- đ) Có 02 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ được giao trong một nhiệm kỳ giữ chức vụ;
- e) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và doanh nghiệp;
- g) Để người thân (vợ, chồng, con) vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và doanh nghiệp;
- h) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và cơ quan (trừ trường hợp bản thân không biết đến và được cấp có thẩm quyền xác nhận);
- i) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, dùn đẩy né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao, gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đối với các trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, nếu người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2. Những trường hợp không được *chấp thuận* từ chức

- a) Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan trọng yếu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ

do bản thân đã thực hiện, nếu từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị giao;

b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền;

2. Quy trình xem xét **chấp thuận** từ chức:

a) Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước có đơn từ chức. Trường hợp không có đơn từ chức thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn từ chức, cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ trao đổi với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước có đơn từ chức và báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc được phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm.

c) Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc được phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

3. Khi đơn từ chức chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý thì người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước có đơn từ chức vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước **thuộc các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này** sau khi từ chức, nếu có nguyện vọng công tác thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét bố trí **chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó và không quan trọng hơn của cơ quan, đơn vị; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm chức vụ tương đương với chức vụ đã đảm nhiệm.**

Điều 36. Miễn nhiệm

1. Việc xem xét miễn nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bị kỷ luật ~~cảnh cáo~~ và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao;

b) Bị kỷ luật ~~khẩn trách~~ liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao hai lần trở lên trong cùng một thời hạn bổ nhiệm.

c) Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;

d) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (**liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao**);

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, **gây bức xúc trong dư luận, làm** ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm;

g) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, **lãng phí**, tiêu cực **gây hậu quả** rất nghiêm trọng **theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định**;

h) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước để cơ quan, đơn vị mình thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng **theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền**;

i) Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với các trường hợp nêu tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 35 Nghị định này, nếu người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

3. Quy trình xem xét miễn nhiệm:

a) Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ có trách nhiệm trao đổi với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đối với người đại diện phần vốn nhà nước thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm thực hiện công việc này.

b) Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

3. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước bị miễn nhiệm không được hưởng lương theo chức vụ, chức danh kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm

4. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này nếu tự nguyện xin từ chức, thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó, sau ít nhất 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt

các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm chức danh tương đương với chức vụ đã đảm nhiệm trước đây.

5. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước thuộc các trường hợp quy định tại đ, e, g, h, i khoản 1 Điều này thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo nguyên tắc không bố trí làm công tác lãnh đạo, quản lý; sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm.

Trường hợp bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong 02 năm liên tiếp thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

6. Nếu người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước sau khi miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 37. Cho thôi đại diện phần vốn nhà nước

1. Cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước trước thời hạn và được cơ quan chủ sở hữu đồng ý;

b) Cơ quan chủ sở hữu hết vốn tại tập đoàn, tổng công ty, công ty;

c) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (**liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao**);

đ) Bị xử lý kỷ luật ~~hiển trách hoặc cảnh cáo~~ hai lần **liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao** trong cùng một thời hạn làm người đại diện phần vốn nhà nước;

e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ;

g) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử người đại diện khi có lý do cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Quy trình xem xét cho thôi đại diện phần vốn nhà nước:

a) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn xin thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước trước thời hạn hoặc có đủ căn cứ cho thôi đại diện vốn nhà

nước quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước sau khi thôi đại diện phần vốn nhà nước, cấp có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp; cá nhân có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công của cấp có thẩm quyền; trường hợp cá nhân tự nguyện xin nghỉ hưu, thôi việc thì được giải quyết theo quy định hiện hành. Trường hợp cho thôi đại diện vốn nhà nước do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp thì cấp có thẩm quyền giải quyết cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước:

a) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến cho thôi làm người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Đảng, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo;

b) Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo thì các tổ chức, cá nhân có liên quan phải thi hành quyết định cho thôi đại diện vốn nhà nước của cấp có thẩm quyền;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc cho thôi đại diện vốn nhà nước là sai thì cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí công tác và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan của người đại diện phần vốn nhà nước.

Chương VI

THÔI VIỆC, NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, KIỂM SOÁT VIÊN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 38. Thôi việc

1. Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được thôi việc có một trong các trường hợp sau đây:

a) Do sắp xếp tổ chức;

b) Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

c) Người quản lý doanh nghiệp bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong 02 năm liên tiếp hoặc;

d) Trường hợp người đại diện có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ mà lý do không được chủ sở hữu chấp thuận thì được chủ sở hữu bố trí công tác khác hoặc giải quyết thôi việc theo quy định của pháp luật;

2. Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước có nguyện vọng thôi việc thì phải có đơn gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, cấp có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản, nếu không đồng ý cho thôi việc thì phải nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền đồng ý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước tự ý bỏ việc thì không được hưởng chế độ thôi việc và phải bồi thường chi phí bồi dưỡng kiến thức theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

a) Đang trong thời gian thực hiện việc điều động, luân chuyển; đang bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Người quản lý doanh nghiệp nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp thôi việc theo nguyện vọng;

c) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Do yêu cầu nhiệm vụ của doanh nghiệp hoặc chưa bố trí được người thay thế.

đ) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của mình đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị;

4. Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Kinh phí thực hiện chế độ thôi việc đối với người quản lý doanh nghiệp kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước do doanh nghiệp đang trả lương cho người xin thôi việc chi trả.

Điều 39. Xác định thời điểm nghỉ hưu

1. Thời điểm nghỉ hưu của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Thời điểm hưởng chế độ hưu trí là ngày đầu tiên của tháng liền kề sau thời điểm nghỉ hưu.

Trường hợp hồ sơ không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí.

Trường hợp Kiểm soát viên thôi việc thì được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc áp dụng như đối với công chức. Thời gian tính để hưởng chế độ thôi việc là thời gian làm công chức; kinh phí thực hiện chế độ thôi việc do doanh nghiệp chi trả.

2. Thời điểm nghỉ hưu được lùi theo một trong các trường hợp sau:

a) Không quá 01 tháng đối với một trong các trường hợp thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; vợ (hoặc chồng), bố, mẹ chồng (hoặc bố, mẹ vợ), con của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước từ trần hoặc bị Toà án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn;

b) Không quá 03 tháng đối với một trong các trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện;

c) Không quá 06 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện.

3. Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được lùi thời điểm nghỉ hưu thuộc nhiều trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì chỉ được thực hiện theo quy định đối với một trường hợp có thời gian lùi thời điểm nghỉ hưu nhiều nhất.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định việc lùi thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước không có nguyện vọng lùi thời điểm nghỉ hưu.

Điều 40. Thông báo và quyết định nghỉ hưu

1. Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại **khoản 1 Điều 39 Nghị định này**, cấp có thẩm quyền phải ra thông báo bằng văn bản về việc nghỉ hưu. Việc ra thông báo về thời điểm nghỉ hưu của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được quy định như sau:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra thông báo nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ra thông báo nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Trước 03 tháng tính đến thời điểm người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước nghỉ hưu theo quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp phải ban hành quyết định nghỉ hưu theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 42. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ quy định tại Nghị định này quy định về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy chế công tác cán bộ trong quân đội nhân dân, công an nhân dân và quy định của pháp luật.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ quy định tại Nghị định này quy định quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thành viên.

3. Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước căn cứ quy định tại Nghị định này quy định quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Tổng công ty là đại diện chủ sở hữu.

4. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm thông qua thi tuyển cạnh tranh đối với các chức danh quản lý, điều hành trong doanh nghiệp hoặc thuê các chức danh Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng được thực hiện theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

5. Việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng, pháp luật về doanh nghiệp, quy định về giám sát, kiểm tra, xếp loại, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính